

地区別収集曜日一覧

Lịch thu gom rác theo ngày ở mỗi khu vực

Main table with columns for collection area (収集地区), NO, and waste types (燃やすごみ, 燃やさないごみ, ペットボトル, 有害危険ごみ). It lists various districts like Aota, Ichinoya, Ushiro Hirai, etc., with their respective collection days and frequencies.

※1 東深井Aは、東深井B以外の地区です。

※1 Quận Higashi Fukai A khác với quận Higashi Fukai B.

※2 東深井Bは、大橋団地、オークタウン江戸川台、小田急江戸川台団地、星和江戸川台、TBSやよい団地、トーマン第3江戸川台、東急団地、中ノ塚、東深井みどり台、東深井こもれび各地区です。

※2 Quận Higashi Fukai B bao gồm khu chung cư Ohashi, Oaktown Edogawadai, khu chung cư Odakyu Edogawadai, Seiwa Edogawadai, khu chung cư TBS Yayoi, Tomen Dai-3 Edogawadai, khu chung cư Tokyu, Nakanotsubo, Higashi Fukai Midoridai, Higashi Fukai Komorebi.

1 Nagareyama 5~9 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 3 Thứ 3tuần 1・3 Thứ 3tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	プ×		可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	プペ	有危	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	プ×		可燃		
26	27	28	29	30		
	可燃	プペ		可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	可燃	プ×	有危	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃	プペ		可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	プ×	有危	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃	プペ		可燃		
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃	プ×	有危	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	プペ		可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	プ×	有危	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	プペ		可燃		
28	29	30				
	可燃	プ				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	プ×		可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	プペ	有危	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	プ×		可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃	プペ		可燃		

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	プ×	有危	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃	プペ		可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	プ×	有危	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃	プペ		可燃		
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		プ×	有危	可燃		
6	7	8	9	10	11	12
	可燃	プペ		可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	プ×	有危	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃	プペ		可燃		
27	28	29	30			
	可燃	プ				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃		
4	5	6	7	8	9	10
	可燃	プ×	有危	可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃	プペ		可燃		
18	19	20	21	22	23	24
	可燃	プ×	有危	可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃	プペ		可燃		

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃	プ×	有危	可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃	プペ		可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃	プ×	有危	可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃	プペ		可燃		
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		プ×	有危	可燃		
6	7	8	9	10	11	12
	可燃	プペ		可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	プ×	有危	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃	プペ		可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃	プ		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	1月	プ×	有危	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃	プペ		可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	プ×	有危	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃	プペ		可燃		
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		プ×	有危	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	プペ		可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	プ×	有危	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	プペ		可燃		
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃	プ×	有危	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	プペ		可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	プ×	有危	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	プペ		可燃		
28	29	30	31			
	可燃	プ				

2 Nazukari

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 3tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	有危	プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		プ×	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	有危	プペ	可燃		
26	27	28	29	30		
	可燃		プ	可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	可燃	有危	プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		プペ	可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	有危	プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プペ	可燃		
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	可燃	有危	プ×	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	有危	プ×	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	有危	プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		プ×	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	有危	プペ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃		プ	可燃		

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	有危	プ×	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		プペ	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	有危	プ×	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		プペ	可燃		
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		有危	プ×	可燃		
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	有危	プ×	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プペ	可燃		
27	28	29	30			
	可燃		プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃		
4	5	6	7	8	9	10
	可燃	有危	プ×	可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃		プペ	可燃		
18	19	20	21	22	23	24
	可燃	有危	プ×	可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃		プペ	可燃		

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃	有危	プ×	可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		プペ	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃	有危	プ×	可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		プペ	可燃		
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		有危	プ×	可燃		
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	有危	プ×	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プペ	可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃		プ	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃	有危	プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		プペ	可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	有危	プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プペ	可燃		
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		有危	プ×	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	有危	プ×	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃	有危	プ×	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	有危	プ×	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28	29	30	31			
	可燃		プ			

3 Matsugaoka 5~6 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 3tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	有危	プ×	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プペ	可燃		
26	27	28	29	30		
	可燃	有危	プ	可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃	有危	プペ	可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃	有危	プペ	可燃		
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	可燃		プ×	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	有危	プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	有危	プペ	可燃		
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	有危	プ×	可燃		
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プペ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃	有危	プ	可燃		

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プ×	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃	有危	プペ	可燃		
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		プ×	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃	有危	プペ	可燃		
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		
6	7	8	9	10	11	12
	可燃	有危	プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		プ×	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃	有危	プペ	可燃		
27	28	29	30			
	可燃		プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃		
4	5	6	7	8	9	10
	可燃		プ×	可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃	有危	プペ	可燃		
18	19	20	21	22	23	24
	可燃		プ×	可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃	有危	プペ	可燃		

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プ×	可燃		
8	9	10	11	12	13	14
	可燃	有危	プペ	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		プ×	可燃		
22	23	24	25	26	27	28
	可燃	有危	プペ	可燃		
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		
6	7	8	9	10	11	12
	可燃	有危	プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		プ×	可燃		
20	21	22	23	24	25	26
	可燃	有危	プペ	可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃		プ	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃	有危	プペ	可燃		
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃	有危	プペ	可燃		
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
			プ×	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	有危	プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	有危	プペ	可燃		
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プ×	可燃		
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	有危	プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	有危	プペ	可燃		
28	29	30	31			
	可燃		プ			

4 Omoi・Omoi 1 Chome・Shibasaki・Naka・Furumagi・Miyazono 1~3 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 6tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 プ×	2 可燃	3	4
5	6 可燃	7	8 プペ	9 可燃	10 有危	11
12	13 可燃	14	15 プ×	16 可燃	17	18
19	20 可燃	21	22 プペ	23 可燃	24 有危	25
26	27 可燃	28	29 プ	30 可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
3	4 可燃	5	6 プ×	7 可燃	8 有危	9
10	11 可燃	12	13 プペ	14 可燃	15	16
17	18 可燃	19	20 プ×	21 可燃	22 有危	23
24	25 可燃	26	27 プペ	28 可燃	29	30
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 可燃	2	3 プ×	4 可燃	5	6
7	8 可燃	9	10 プペ	11 可燃	12 有危	13
14	15 可燃	16	17 プ×	18 可燃	19	20
21	22 可燃	23	24 プペ	25 可燃	26 有危	27
28	29 可燃	30				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 プ×	2 可燃	3	4
5	6 可燃	7	8 プペ	9 可燃	10 有危	11
12	13 可燃	14	15 プ×	16 可燃	17	18
19	20 可燃	21	22 プペ	23 可燃	24 有危	25
26	27 可燃	28	29 プ	30 可燃	31	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3 可燃	4	5 プ×	6 可燃	7	8
9	10 可燃	11	12 プペ	13 可燃	14 有危	15
16	17 可燃	18	19 プ×	20 可燃	21	22
23	24 可燃	25	26 プペ	27 可燃	28 有危	29
30	31 可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		
6	7 可燃	8	9 プペ	10 可燃	11 有危	12
13	14 可燃	15	16 プ×	17 可燃	18	19
20	21 可燃	22	23 プペ	24 可燃	25 有危	26
27	28 可燃	29	30 プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 可燃	2	3
4	5 可燃	6	7 プ×	8 可燃	9 有危	10
11	12 可燃	13	14 プペ	15 可燃	16	17
18	19 可燃	20	21 プ×	22 可燃	23 有危	24
25	26 可燃	27	28 プペ	29 可燃	30	31

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プ×	可燃		
8	9 可燃	10	11 プペ	12 可燃	13 有危	14
15	16 可燃	17	18 プ×	19 可燃	20	21
22	23 可燃	24	25 プペ	26 可燃	27 有危	28
29	30 可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		
6	7 可燃	8	9 プペ	10 可燃	11 有危	12
13	14 可燃	15	16 プ×	17 可燃	18	19
20	21 可燃	22	23 プペ	24 可燃	25 有危	26
27	28 可燃	29	30 プ	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4 可燃	5	6 プ×	7 可燃	8 有危	9
10	11 可燃	12	13 プペ	14 可燃	15	16
17	18 可燃	19	20 プ×	21 可燃	22 有危	23
24	25 可燃	26	27 プペ	28 可燃	29	30
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
			プ×	可燃		
7	8 可燃	9	10 プペ	11 可燃	12 有危	13
14	15 可燃	16	17 プ×	18 可燃	19	20
21	22 可燃	23	24 プペ	25 可燃	26 有危	27
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プ×	可燃		
7	8 可燃	9	10 プペ	11 可燃	12 有危	13
14	15 可燃	16	17 プ×	18 可燃	19	20
21	22 可燃	23	24 プペ	25 可燃	26 有危	27
28	29 可燃	30	31 プ			

5 Ichinoya-Ushiro Hirai-Nonoshita 1 Chome-Mae Hirai

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		有危
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		プ×	可燃		有危
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プペ	可燃		
26	27	28	29	30		
	可燃		プ	可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
						有危
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		プペ	可燃		有危
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プペ	可燃		
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プ×	可燃		有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		有危
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		プ×	可燃		有危
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プペ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃		プ	可燃		

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プ×	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		プペ	可燃		有危
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		プ×	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		プペ	可燃		
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		有危
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		プ×	可燃		有危
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プペ	可燃		
27	28	29	30			
	可燃		プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃		有危
4	5	6	7	8	9	10
	可燃		プ×	可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃		プペ	可燃		有危
18	19	20	21	22	23	24
	可燃		プ×	可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃		プペ	可燃		

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プ×	可燃		有危
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		プペ	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		プ×	可燃		有危
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		プペ	可燃		
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		有危
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		プ×	可燃		有危
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プペ	可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃		プ	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		プペ	可燃		有危
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プペ	可燃		
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
			プ×	可燃		有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プ×	可燃		有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28	29	30	31			
	可燃		プ			

6 Nishi Matsugaoka 1 Chome・Matsugaoka 3~4 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 3tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	有危		可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	有危		可燃	プペ	
26	27	28	29	30		
	可燃			可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	可燃	有危		可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	有危		可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃	有危		可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	有危		可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃	有危		可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃	有危		可燃	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃	プ	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃	有危		可燃	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃	有危		可燃	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	可燃			可燃	プペ	
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		有危		可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	有危		可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	
27	28	29	30			
	可燃					

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	可燃	有危		可燃	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	可燃			可燃	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	可燃	有危		可燃	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	可燃			可燃	プ	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃	有危		可燃	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	可燃			可燃	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	可燃	有危		可燃	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	可燃			可燃	プペ	
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		有危		可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃	有危		可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	
27	28	29	30	31		
	可燃			休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃	有危		可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃	有危		可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		有危		可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	有危		可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃	有危		可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃	有危		可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28	29	30	31			
	可燃					

7 Matsugaoka 1~2 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 3tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	有危		可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	
26	27	28	29	30		
	可燃	有危		可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃	有危		可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃	有危		可燃	プ	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	可燃			可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	有危		可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	有危		可燃	プペ	
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃	有危		可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	可燃	有危		可燃	プ	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃	有危		可燃	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃			可燃	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	可燃	有危		可燃	プペ	
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃	有危		可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃	有危		可燃	プペ	
27	28	29	30			
	可燃					

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	可燃			可燃	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	可燃	有危		可燃	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	可燃			可燃	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	可燃	有危		可燃	プ	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃			可燃	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	可燃	有危		可燃	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	可燃			可燃	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	可燃	有危		可燃	プペ	
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃	有危		可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃	有危		可燃	プペ	
27	28	29	30	31		
	可燃			休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃	有危		可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃	有危		可燃	プ	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
				可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	有危		可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	有危		可燃	プペ	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃	有危		可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃	有危		可燃	プペ	
28	29	30	31			
	可燃					

8 Nishi Hirai・Nishi Hirai 1～3 Chome

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

5

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		有危	可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	
26	27	28	29	30		
	可燃			可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		有危	可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		有危	可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		有危	可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		有危	可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		有危	可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃	プ	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		有危	可燃	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		有危	可燃	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	可燃			可燃	プペ	
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			有危	可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		有危	可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	
27	28	29	30			
	可燃					

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	可燃		有危	可燃	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	可燃			可燃	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	可燃		有危	可燃	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	可燃			可燃	プ	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		有危	可燃	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	可燃			可燃	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		有危	可燃	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	可燃			可燃	プペ	
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			有危	可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		有危	可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	
27	28	29	30	31		
	可燃			休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		有危	可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		有危	可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
			有危	可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		有危	可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		有危	可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		有危	可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28	29	30	31			
	可燃					

9 (Oaza) Hiregasaki・Hiregasaki 2 Chome

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 4tuần 2・4

5

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			#N/A	可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		有危	可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		有危	可燃	プペ	
26	27	28	29	30		
	可燃			可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		有危	可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		有危	可燃	プ	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	可燃			可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		有危	可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		有危	可燃	プペ	
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		有危	可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		有危	可燃	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃	プ	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		有危	可燃	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃			可燃	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		有危	可燃	プペ	
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		有危	可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		有危	可燃	プペ	
27	28	29	30			
	可燃					

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	可燃			可燃	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	可燃		有危	可燃	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	可燃			可燃	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	可燃		有危	可燃	プ	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃			可燃	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		有危	可燃	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	可燃			可燃	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		有危	可燃	プペ	
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		有危	可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		有危	可燃	プペ	
27	28	29	30	31		
	可燃			休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		有危	可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		有危	可燃	プ	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
				可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		有危	可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		有危	可燃	プペ	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		有危	可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		有危	可燃	プペ	
28	29	30	31			
	可燃					

10 Maegasaki・Mukaikogane 1 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

5
2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	有危
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	有危
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	
26	27	28	29	30		
	可燃			可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					プ×	有危
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	有危
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	プ×	有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	有危
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	有危
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃	プ	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃	プペ	有危
16	17	18	19	20	21	22
	可燃			可燃	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	可燃			可燃	プペ	
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
				可燃	プ×	有危
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	有危
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	
27	28	29	30			
	可燃					

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃	プ×	有危
4	5	6	7	8	9	10
	可燃			可燃	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	可燃			可燃	プ×	有危
18	19	20	21	22	23	24
	可燃			可燃	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	可燃			可燃	プ	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃			可燃	プ×	有危
8	9	10	11	12	13	14
	可燃			可燃	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	可燃			可燃	プ×	有危
22	23	24	25	26	27	28
	可燃			可燃	プペ	
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
				可燃	プ×	有危
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	有危
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	
27	28	29	30	31		
	可燃			休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	有危
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
				可燃	プ×	有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	プ×	有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	
28	29	30	31			
	可燃					

11 Mukaikogane 2~4 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được

Rác có dấu プラ
(Pura)

Rác không cháy được

Chai nhựa PET

Rác nguy hiểm

}

可燃
Thứ 2・5

プ
Thứ 6

×
Thứ 6tuần 1・3

ペ
Thứ 6tuần 2・4

有危
Thứ 7tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	有危
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	有危
26	27	28	29	30		
	可燃			可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	有危
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	有危
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	有危
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	有危
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				可燃	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	可燃			可燃	プペ	有危
12	13	14	15	16	17	18
	可燃			可燃	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	可燃			可燃	プペ	有危
26	27	28	29	30	31	
	可燃			可燃	プ	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	可燃			可燃	プ×	有危
9	10	11	12	13	14	15
	可燃			可燃	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	可燃			可燃	プ×	有危
23	24	25	26	27	28	29
	可燃			可燃	プペ	
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
				可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	有危
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	有危
27	28	29	30			
	可燃					

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	可燃			可燃	プペ	有危
11	12	13	14	15	16	17
	可燃			可燃	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	可燃			可燃	プペ	有危
25	26	27	28	29	30	31
	可燃			可燃	プ	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃			可燃	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	可燃			可燃	プペ	有危
15	16	17	18	19	20	21
	可燃			可燃	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	可燃			可燃	プペ	有危
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
				可燃	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	可燃			可燃	プペ	有危
13	14	15	16	17	18	19
	可燃			可燃	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	可燃			可燃	プペ	有危
27	28	29	30	31		
	可燃			休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃			可燃	プペ	有危
10	11	12	13	14	15	16
	可燃			可燃	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	可燃			可燃	プペ	有危
24	25	26	27	28	29	30
	可燃			可燃	プ	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
				可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	有危
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	有危
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃			可燃	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	可燃			可燃	プペ	有危
14	15	16	17	18	19	20
	可燃			可燃	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	可燃			可燃	プペ	有危
28	29	30	31			
	可燃					

12 Higashi Hatsuishi 1~2 Chome

Tiếng Việt

2026

5

2027

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 5tuần 1・3

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				有危	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	可燃			可燃	
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	可燃		有危	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	可燃			可燃	
26	27	28	29	30		
	プペ	可燃				

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
	プ×	可燃		有危	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
	プペ	可燃			可燃	
17	18	19	20	21	22	23
	プ×	可燃		有危	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
	プペ	可燃			可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	プ×	可燃		有危	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	可燃			可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	可燃		有危	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	可燃			可燃	
28	29	30				
	プ	可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				有危	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	可燃			可燃	
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	可燃		有危	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	可燃			可燃	
26	27	28	29	30	31	
	プペ	可燃			可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	可燃		有危	可燃	
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	可燃			可燃	
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	可燃		有危	可燃	
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	可燃			可燃	
30	31					
	プ					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃		有危	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	プ×	可燃			可燃	
13	14	15	16	17	18	19
	プペ	可燃		有危	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
	プ×	可燃			可燃	
27	28	29	30			
	プペ	可燃				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				有危	可燃	
4	5	6	7	8	9	10
	プ×	可燃			可燃	
11	12	13	14	15	16	17
	プペ	可燃		有危	可燃	
18	19	20	21	22	23	24
	プ×	可燃			可燃	
25	26	27	28	29	30	31
	プペ	可燃			可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	プ×	可燃		有危	可燃	
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	可燃			可燃	
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	可燃		有危	可燃	
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	可燃			可燃	
29	30					
	プ					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃		有危	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	プ×	可燃			可燃	
13	14	15	16	17	18	19
	プペ	可燃		有危	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
	プ×	可燃			可燃	
27	28	29	30	31		
	プペ	可燃		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	プ×	可燃		有危	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
	プペ	可燃			可燃	
17	18	19	20	21	22	23
	プ×	可燃		有危	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
	プペ	可燃			可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃		有危	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	可燃			可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	可燃		有危	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	可燃			可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	プ×	可燃		有危	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	可燃			可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	可燃		有危	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	可燃			可燃	
28	29	30	31			
	プ	可燃				

Rác cháy được

Rác có dầu プラ (Pura)

Rác không cháy đ
ược x

Chai nhựa PET

Rác nguy hiểm

5

可燃
Thứ 3・6

プ
Thứ 2

Thứ 2tuần 1・3

ペ
Thứ 2tuần 2・4

有危
Thứ 7tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3 可燃	4
5	6 プ×	7 可燃	8	9	10 可燃	11 有危
12	13 プペ	14 可燃	15	16	17 可燃	18
19	20 プ×	21 可燃	22	23	24 可燃	25 有危
26	27 プペ	28 可燃	29	30		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 可燃	2
3	4 プ×	5 可燃	6	7	8 可燃	9 有危
10	11 プペ	12 可燃	13	14	15 可燃	16
17	18 プ×	19 可燃	20	21	22 可燃	23 有危
24	25 プペ	26 可燃	27	28	29 可燃	30
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃	6
7	8 プベ	9 可燃	10	11	12 可燃	13 有危
14	15 プ×	16 可燃	17	18	19 可燃	20
21	22 プベ	23 可燃	24	25	26 可燃	27 有危
28	29 プ	30 可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3 可燃	4
5	6 プ×	7 可燃	8	9	10 可燃	11 有危
12	13 プベ	14 可燃	15	16	17 可燃	18
19	20 プ×	21 可燃	22	23	24 可燃	25 有危
26	27 プペ	28 可燃	29	30	31 可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3 プ×	4 可燃	5	6	7 可燃	8 有危
9	10 プベ	11 可燃	12	13	14 可燃	15
16	17 プ×	18 可燃	19	20	21 可燃	22 有危
23	24 プペ	25 可燃	26	27	28 可燃	29
30	31 プ					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 可燃	2	3	4 可燃	5
6	7 プ×	8 可燃	9	10	11 可燃	12 有危
13	14 プベ	15 可燃	16	17	18 可燃	19
20	21 プ×	22 可燃	23	24	25 可燃	26 有危
27	28 プベ	29 可燃	30			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2 可燃	3
4	5 プ×	6 可燃	7	8	9 可燃	10 有危
11	12 プベ	13 可燃	14	15	16 可燃	17
18	19 プ×	20 可燃	21	22	23 可燃	24 有危
25	26 プベ	27 可燃	28	29	30 可燃	31

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2 プ×	3 可燃	4	5	6 可燃	7
8	9 プベ	10 可燃	11	12	13 可燃	14 有危
15	16 プ×	17 可燃	18	19	20 可燃	21
22	23 プベ	24 可燃	25	26	27 可燃	28 有危
29	30 プ					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 可燃	2	3	4 可燃	5
6	7 プ×	8 可燃	9	10	11 可燃	12 有危
13	14 プベ	15 可燃	16	17	18 可燃	19
20	21 プ×	22 可燃	23	24	25 可燃	26 有危
27	28 プベ	29 可燃	30	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4 プ×	5 可燃	6	7	8 可燃	9 有危
10	11 プペ	12 可燃	13	14	15 可燃	16
17	18 プ×	19 可燃	20	21	22 可燃	23 有危
24	25 プベ	26 可燃	27	28	29 可燃	30
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2 可燃	3	4	5 可燃	6
7	8 プベ	9 可燃	10	11	12 可燃	13 有危
14	15 プ×	16 可燃	17	18	19 可燃	20
21	22 プベ	23 可燃	24	25	26 可燃	27 有危
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃	6
7	8 プベ	9 可燃	10	11	12 可燃	13 有危
14	15 プ×	16 可燃	17	18	19 可燃	20
21	22 プベ	23 可燃	24	25	26 可燃	27 有危
28	29 プ	30 可燃	31			

14 (Oaza) Nagareyama・Nonoshita 2~6 Chome・Minami Nagareyama 4~5 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 2tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×		可燃	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	可燃	プペ		可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	プ×		可燃	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	可燃	プペ		可燃	
26	27	28	29	30		
		可燃	プ			

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
	有危	可燃	プ×		可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃	プペ		可燃	
17	18	19	20	21	22	23
	有危	可燃	プ×		可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃	プペ		可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	有危	可燃	プ×		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	プペ		可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	可燃	プ×		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	プペ		可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×		可燃	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	可燃	プペ		可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	プ×		可燃	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	可燃	プペ		可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃	プ		可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	可燃	プ×		可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃	プペ		可燃	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	可燃	プ×		可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃	プペ		可燃	
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃	プ×		可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	有危	可燃	プペ		可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	プ×		可燃	
20	21	22	23	24	25	26
	有危	可燃	プペ		可燃	
27	28	29	30			
		可燃	プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
					可燃	
4	5	6	7	8	9	10
	有危	可燃	プ×		可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃	プペ		可燃	
18	19	20	21	22	23	24
	有危	可燃	プ×		可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃	プペ		可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	有危	可燃	プ×		可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃	プペ		可燃	
15	16	17	18	19	20	21
	有危	可燃	プ×		可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃	プペ		可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃	プ×		可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	有危	可燃	プペ		可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	プ×		可燃	
20	21	22	23	24	25	26
	有危	可燃	プペ		可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃	プ	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	有危	可燃	プ×		可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃	プペ		可燃	
17	18	19	20	21	22	23
	有危	可燃	プ×		可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃	プペ		可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	プ×		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	プペ		可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	可燃	プ×		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	プペ		可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	有危	可燃	プ×		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	プペ		可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	可燃	プ×		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	プペ		可燃	
28	29	30	31			
		可燃	プ			

15 Ki 1~3 Chome・Minami Nagareyama 7~10 Chome

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 5tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×		可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃	プペ	有危	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	プ×		可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃	プペ	有危	可燃	
26	27	28	29	30		
		可燃	プ			

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
		可燃	プ×		可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃	プペ	有危	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃	プ×		可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃	プペ	有危	可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	プ×		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	プペ	有危	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	プ×		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	プペ	有危	可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×		可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃	プペ	有危	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	プ×		可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃	プペ	有危	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃	プ		可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃	プ×		可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃	プペ	有危	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃	プ×		可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃	プペ	有危	可燃	
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃	プ×		可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃	プペ	有危	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	プ×		可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃	プペ	有危	可燃	
27	28	29	30			
		可燃	プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
					可燃	
4	5	6	7	8	9	10
		可燃	プ×	有危	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃	プペ		可燃	
18	19	20	21	22	23	24
		可燃	プ×	有危	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃	プペ		可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
		可燃	プ×		可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃	プペ	有危	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃	プ×		可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃	プペ	有危	可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃	プ×		可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃	プペ	有危	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	プ×		可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃	プペ	有危	可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃	プ	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
		可燃	プ×		可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃	プペ	有危	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃	プ×		可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃	プペ	有危	可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	プ×		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	プペ	有危	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	プ×		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	プペ	有危	可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	プ×		可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	プペ	有危	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	プ×		可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	プペ	有危	可燃	
28	29	30	31			
		可燃	プ			

17 Minami Nagareyama 1 Chome

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 2tuần 1・3

5

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30		
		可燃		プ		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
	有危	可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
	有危	可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	有危	可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃		プ	可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	可燃		プ×	可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃		プペ	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	可燃		プ×	可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃		プペ	可燃	
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃		プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	有危	可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃		プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
	有危	可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30			
		可燃				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				プ×	可燃	
4	5	6	7	8	9	10
	有危	可燃		プペ	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃		プ×	可燃	
18	19	20	21	22	23	24
	有危	可燃		プペ	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃		プ	可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	有危	可燃		プ×	可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃		プペ	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
	有危	可燃		プ×	可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃		プペ	可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃		プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
	有危	可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃		プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
	有危	可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	有危	可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
	有危	可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	有危	可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30	31			
		可燃				

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 2tuần 2・4

April							May							June						
Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4						1	2			可燃		プ×	可燃	
				プ×	可燃							可燃				可燃		プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11	3	4	5	6	7	8	9	7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃				可燃		プ×	可燃			有危	可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18	10	11	12	13	14	15	16	14	15	16	17	18	19	20
	有危	可燃		プ×	可燃			有危	可燃		プペ	可燃				可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25	17	18	19	20	21	22	23	21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃				可燃		プ×	可燃			有危	可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30			24	25	26	27	28	29	30	28	29	30				
	有危	可燃		プ				有危	可燃		プペ	可燃				可燃				
							31													

July							August							September						
Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4							1			1	2	3	4	5
				プ×	可燃											可燃		プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11	2	3	4	5	6	7	8	6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃				可燃		プ×	可燃				可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18	9	10	11	12	13	14	15	13	14	15	16	17	18	19
	有危	可燃		プ×	可燃			有危	可燃		プペ	可燃			有危	可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25	16	17	18	19	20	21	22	20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃				可燃		プ×	可燃				可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30	31		23	24	25	26	27	28	29	27	28	29	30			
	有危	可燃		プ	可燃			有危	可燃		プペ	可燃			有危	可燃				
							30	31												

October							November							December						
Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3							1			1	2	3	4	5
				プ×	可燃											可燃		プ×	可燃	
4	5	6	7	8	9	10	8	9	10	11	12	13	14	6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃			有危	可燃		プペ	可燃				可燃		プペ	可燃	
11	12	13	14	15	16	17	15	16	17	18	19	20	21	13	14	15	16	17	18	19
	有危	可燃		プ×	可燃				可燃		プ×	可燃			有危	可燃		プ×	可燃	
18	19	20	21	22	23	24	22	23	24	25	26	27	28	20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃			有危	可燃		プペ	可燃				可燃		プペ	可燃	
25	26	27	28	29	30	31	29	30						27	28	29	30	31		
	有危	可燃		プ	可燃										有危	可燃		休		

January							February							March							
Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat	
					1	2							1			1	2	3	4	5	6
					休	休										可燃		プ×	可燃		
3	4	5	6	7	8	9	7	8	9	10	11	12	13	7	8	9	10	11	12	13	
		可燃		プ×	可燃			有危	可燃		プペ	可燃			有危	可燃		プペ	可燃		
10	11	12	13	14	15	16	14	15	16	17	18	19	20	14	15	16	17	18	19	20	
	有危	可燃		プペ	可燃				可燃		プ×	可燃				可燃		プ×	可燃		
17	18	19	20	21	22	23	21	22	23	24	25	26	27	21	22	23	24	25	26	27	
		可燃		プ×	可燃			有危	可燃		プペ	可燃			有危	可燃		プペ	可燃		
24	25	26	27	28	29	30	28							28	29	30	31				
	有危	可燃		プペ	可燃											可燃					
31																					

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	有危	プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30		
		可燃		プ		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
		可燃	有危	プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃	有危	プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	有危	プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	有危	プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	有危	プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃		プ	可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃	有危	プ×	可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃		プペ	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃	有危	プ×	可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃		プペ	可燃	
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃	有危	プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	有危	プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30			
		可燃				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				プ×	可燃	
4	5	6	7	8	9	10
		可燃	有危	プペ	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃		プ×	可燃	
18	19	20	21	22	23	24
		可燃	有危	プペ	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃		プ	可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
		可燃	有危	プ×	可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃		プペ	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃	有危	プ×	可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃		プペ	可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃	有危	プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	有危	プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
		可燃	有危	プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃	有危	プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	有危	プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	有危	プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	有危	プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	有危	プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30	31			
		可燃				

20 Aota・Komagidai・Mita

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 4tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃	有危	プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃	有危	プペ	可燃	
26	27	28	29	30		
		可燃		プ		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
		可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃	有危	プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃	有危	プペ	可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	有危	プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	有危	プペ	可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
				プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃	有危	プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃	有危	プペ	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃		プ	可燃	

August

日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃		プ×	可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃	有危	プペ	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃		プ×	可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃	有危	プペ	可燃	
30	31					

September

日	月	火	水	木	金	土
		1	2	3	4	5
		可燃		プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃	有危	プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃		プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃	有危	プペ	可燃	
27	28	29	30			
		可燃				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				プ×	可燃	
4	5	6	7	8	9	10
		可燃		プペ	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃	有危	プ×	可燃	
18	19	20	21	22	23	24
		可燃		プペ	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃	有危	プ	可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
		可燃		プ×	可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃	有危	プペ	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃		プ×	可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃	有危	プペ	可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃		プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃	有危	プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃		プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃	有危	プペ	可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
		可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃	有危	プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃	有危	プペ	可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	有危	プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	有危	プペ	可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃	有危	プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃	有危	プペ	可燃	
28	29	30	31			
		可燃				

Rác cháy được	Rác có dầu プラ (Pura)	Rác không cháy được	Chai nhựa PET	Rác nguy hiểm
可燃	プ	×	ペ	有危
Thứ 4・7	Thứ 2	Thứ 2tuần 1・3	Thứ 2tuần 2・4	Thứ 3tuần 1・3

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	有危	可燃			可燃
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		可燃			可燃
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	有危	可燃			可燃
26	27	28	29	30		
	プペ		可燃			

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
						可燃
3	4	5	6	7	8	9
	プ×	有危	可燃			可燃
10	11	12	13	14	15	16
	プペ		可燃			可燃
17	18	19	20	21	22	23
	プ×	有危	可燃			可燃
24	25	26	27	28	29	30
	プペ		可燃			可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	プ×	有危	可燃			可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		可燃			可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	有危	可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		可燃			可燃
28	29	30				
	プ					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	有危	可燃			可燃
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		可燃			可燃
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	有危	可燃			可燃
26	27	28	29	30	31	
	プペ		可燃			

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						可燃
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	有危	可燃			可燃
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		可燃			可燃
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	有危	可燃			可燃
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		可燃			可燃
30	31					
	プ					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		有危	可燃			可燃
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		可燃			可燃
13	14	15	16	17	18	19
	プペ	有危	可燃			可燃
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		可燃			可燃
27	28	29	30			
	プペ		可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
						可燃
4	5	6	7	8	9	10
	プ×	有危	可燃			可燃
11	12	13	14	15	16	17
	プペ		可燃			可燃
18	19	20	21	22	23	24
	プ×	有危	可燃			可燃
25	26	27	28	29	30	31
	プペ		可燃			可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	プ×	有危	可燃			可燃
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		可燃			可燃
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	有危	可燃			可燃
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		可燃			可燃
29	30					
	プ					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		有危	可燃			可燃
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		可燃			可燃
13	14	15	16	17	18	19
	プペ	有危	可燃			可燃
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		可燃			可燃
27	28	29	30	31		
	プペ		可燃	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	プ×	有危	可燃			可燃
10	11	12	13	14	15	16
	プペ		可燃			可燃
17	18	19	20	21	22	23
	プ×	有危	可燃			可燃
24	25	26	27	28	29	30
	プペ		可燃			可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		有危	可燃			可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		可燃			可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	有危	可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		可燃			可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	プ×	有危	可燃			可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		可燃			可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	有危	可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		可燃			可燃
28	29	30	31			
	プ		可燃			

23 Edogawadai Nishi 1~4 Chome・Nishi Hatsuishi 1~2 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 3tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		可燃			可燃
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	有危	可燃			可燃
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		可燃			可燃
26	27	28	29	30		
	プペ	有危	可燃			

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
						可燃
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		可燃			可燃
10	11	12	13	14	15	16
	プペ	有危	可燃			可燃
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		可燃			可燃
24	25	26	27	28	29	30
	プペ	有危	可燃			可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	プ×		可燃			可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	有危	可燃			可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	有危	可燃			可燃
28	29	30				
	プ					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		可燃			可燃
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	有危	可燃			可燃
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		可燃			可燃
26	27	28	29	30	31	
	プペ	有危	可燃			

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						可燃
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		可燃			可燃
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	有危	可燃			可燃
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		可燃			可燃
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	有危	可燃			可燃
30	31					
	プ					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			可燃			可燃
6	7	8	9	10	11	12
	プ×	有危	可燃			可燃
13	14	15	16	17	18	19
	プペ		可燃			可燃
20	21	22	23	24	25	26
	プ×	有危	可燃			可燃
27	28	29	30			
	プペ		可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
						可燃
4	5	6	7	8	9	10
	プ×		可燃			可燃
11	12	13	14	15	16	17
	プペ	有危	可燃			可燃
18	19	20	21	22	23	24
	プ×		可燃			可燃
25	26	27	28	29	30	31
	プペ	有危	可燃			可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		可燃			可燃
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	有危	可燃			可燃
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		可燃			可燃
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	有危	可燃			可燃
29	30					
	プ					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			可燃			可燃
6	7	8	9	10	11	12
	プ×	有危	可燃			可燃
13	14	15	16	17	18	19
	プペ		可燃			可燃
20	21	22	23	24	25	26
	プ×	有危	可燃			可燃
27	28	29	30	31		
	プペ		可燃	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		可燃			可燃
10	11	12	13	14	15	16
	プペ	有危	可燃			可燃
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		可燃			可燃
24	25	26	27	28	29	30
	プペ	有危	可燃			可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
			可燃			可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	有危	可燃			可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	有危	可燃			可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	プ×		可燃			可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	有危	可燃			可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	有危	可燃			可燃
28	29	30	31			
	プ		可燃			

24 Edogawadai Higashi 1 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 5tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2 有危	3	4 可燃
5	6 プ×	7	8 可燃	9	10	11 可燃
12	13 プペ	14	15 可燃	16 有危	17	18 可燃
19	20 プ×	21	22 可燃	23	24	25 可燃
26	27 プペ	28	29 可燃	30		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2 可燃
3	4 プ×	5	6 可燃	7 有危	8	9 可燃
10	11 プペ	12	13 可燃	14	15	16 可燃
17	18 プ×	19	20 可燃	21 有危	22	23 可燃
24	25 プペ	26	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 プ×	2	3 可燃	4 有危	5	6 可燃
7	8 プペ	9	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15 プ×	16	17 可燃	18 有危	19	20 可燃
21	22 プペ	23	24 可燃	25	26	27 可燃
28	29 プ	30				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2 有危	3	4 可燃
5	6 プ×	7	8 可燃	9	10	11 可燃
12	13 プペ	14	15 可燃	16 有危	17	18 可燃
19	20 プ×	21	22 可燃	23	24	25 可燃
26	27 プペ	28	29 可燃	30	31	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1 可燃
2	3 プ×	4	5 可燃	6 有危	7	8 可燃
9	10 プペ	11	12 可燃	13	14	15 可燃
16	17 プ×	18	19 可燃	20 有危	21	22 可燃
23	24 プペ	25	26 可燃	27	28	29 可燃
30	31 プ					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			可燃	有危		可燃
6	7 プ×	8	9 可燃	10	11	12 可燃
13	14 プペ	15	16 可燃	17 有危	18	19 可燃
20	21 プ×	22	23 可燃	24	25	26 可燃
27	28 プペ	29	30 可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 有危	2	3 可燃
4	5 プ×	6	7 可燃	8	9	10 可燃
11	12 プペ	13	14 可燃	15 有危	16	17 可燃
18	19 プ×	20	21 可燃	22	23	24 可燃
25	26 プペ	27	28 可燃	29	30	31 可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		可燃	有危		可燃
8	9 プペ	10	11 可燃	12	13	14 可燃
15	16 プ×	17	18 可燃	19 有危	20	21 可燃
22	23 プペ	24	25 可燃	26	27	28 可燃
29	30 プ					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			可燃	有危		可燃
6	7 プ×	8	9 可燃	10	11	12 可燃
13	14 プペ	15	16 可燃	17 有危	18	19 可燃
20	21 プ×	22	23 可燃	24	25	26 可燃
27	28 プペ	29	30 可燃	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4 プ×	5	6 可燃	7 有危	8	9 可燃
10	11 プペ	12	13 可燃	14	15	16 可燃
17	18 プ×	19	20 可燃	21 有危	22	23 可燃
24	25 プペ	26	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3 可燃	4 有危	5	6 可燃
7	8 プペ	9	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15 プ×	16	17 可燃	18 有危	19	20 可燃
21	22 プペ	23	24 可燃	25	26	27 可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3 可燃	4 有危	5	6 可燃
7	8 プペ	9	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15 プ×	16	17 可燃	18 有危	19	20 可燃
21	22 プペ	23	24 可燃	25	26	27 可燃
28	29 プ	30	31 可燃			

25 Nakanokuki

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 5tuần 2・4

5

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		可燃	有危		可燃
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		可燃			可燃
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		可燃	有危		可燃
26	27	28	29	30		
	プペ		可燃			

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
						可燃
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		可燃			可燃
10	11	12	13	14	15	16
	プペ		可燃	有危		可燃
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		可燃			可燃
24	25	26	27	28	29	30
	プペ		可燃	有危		可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	プ×		可燃			可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		可燃	有危		可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		可燃	有危		可燃
28	29	30				
	プ					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		可燃	有危		可燃
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		可燃			可燃
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		可燃	有危		可燃
26	27	28	29	30	31	
	プペ		可燃			

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						可燃
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		可燃			可燃
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		可燃	有危		可燃
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		可燃			可燃
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		可燃	有危		可燃
30	31					
	プ					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		可燃	有危		可燃
13	14	15	16	17	18	19
	プペ		可燃			可燃
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		可燃	有危		可燃
27	28	29	30			
	プペ		可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
						可燃
4	5	6	7	8	9	10
	プ×		可燃	有危		可燃
11	12	13	14	15	16	17
	プペ		可燃			可燃
18	19	20	21	22	23	24
	プ×		可燃	有危		可燃
25	26	27	28	29	30	31
	プペ		可燃			可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		可燃			可燃
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		可燃	有危		可燃
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		可燃			可燃
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		可燃	有危		可燃
29	30					
	プ					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			可燃			可燃
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		可燃	有危		可燃
13	14	15	16	17	18	19
	プペ		可燃			可燃
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		可燃	有危		可燃
27	28	29	30	31		
	プペ		可燃	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		可燃			可燃
10	11	12	13	14	15	16
	プペ		可燃	有危		可燃
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		可燃			可燃
24	25	26	27	28	29	30
	プペ		可燃	有危		可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		可燃	有危		可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		可燃	有危		可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						可燃
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		可燃	有危		可燃
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		可燃			可燃
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		可燃	有危		可燃
28	29	30	31			
	プ		可燃			

26 (Oaza) Ka-Ka 1~6 Chome-Miwanoyama-Miwanoyama 1~5 Chome

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 6tuần 1・3

5

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3 有危	4 可燃
5	6 プ×	7	8 可燃	9	10	11 可燃
12	13 プペ	14	15 可燃	16	17 有危	18 可燃
19	20 プ×	21	22 可燃	23	24	25 可燃
26	27 プペ	28	29 可燃	30		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 有危	2 可燃
3	4 プ×	5	6 可燃	7	8	9 可燃
10	11 プペ	12	13 可燃	14	15 有危	16 可燃
17	18 プ×	19	20 可燃	21	22	23 可燃
24	25 プペ	26	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 プ×	2	3 可燃	4	5 有危	6 可燃
7	8 プペ	9	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15 プ×	16	17 可燃	18	19 有危	20 可燃
21	22 プペ	23	24 可燃	25	26	27 可燃
28	29 プ	30				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3 有危	4 可燃
5	6 プ×	7	8 可燃	9	10	11 可燃
12	13 プペ	14	15 可燃	16	17 有危	18 可燃
19	20 プ×	21	22 可燃	23	24	25 可燃
26	27 プペ	28	29 可燃	30	31	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1 可燃
2	3 プ×	4	5 可燃	6	7 有危	8 可燃
9	10 プペ	11	12 可燃	13	14	15 可燃
16	17 プ×	18	19 可燃	20	21 有危	22 可燃
23	24 プペ	25	26 可燃	27	28	29 可燃
30	31 プ					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5 可燃
6	7 プ×	8	9 可燃	10	11 有危	12 可燃
13	14 プペ	15	16 可燃	17	18 有危	19 可燃
20	21 プ×	22	23 可燃	24	25	26 可燃
27	28 プペ	29	30 可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3 可燃
4	5 プ×	6	7 可燃	8	9	10 可燃
11	12 プペ	13	14 可燃	15	16 有危	17 可燃
18	19 プ×	20	21 可燃	22	23	24 可燃
25	26 プペ	27	28 可燃	29	30	31 可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7 可燃
8	9 プ×	10	11 可燃	12	13 有危	14 可燃
15	16 プペ	17	18 可燃	19	20 有危	21 可燃
22	23 プ×	24	25 可燃	26	27	28 可燃
29	30 プ					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5 可燃
6	7 プ×	8	9 可燃	10	11 有危	12 可燃
13	14 プペ	15	16 可燃	17	18 有危	19 可燃
20	21 プ×	22	23 可燃	24	25	26 可燃
27	28 プペ	29	30 可燃	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4 プ×	5	6 可燃	7	8	9 可燃
10	11 プペ	12	13 可燃	14	15 有危	16 可燃
17	18 プ×	19	20 可燃	21	22	23 可燃
24	25 プペ	26	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3 可燃	4	5 有危	6 可燃
7	8 プペ	9	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15 プ×	16	17 可燃	18	19 有危	20 可燃
21	22 プペ	23	24 可燃	25	26	27 可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1 プ×	2	3 可燃	4	5 有危	6 可燃
7	8 プペ	9	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15 プ×	16	17 可燃	18	19 有危	20 可燃
21	22 プペ	23	24 可燃	25	26	27 可燃
28	29 プ	30	31 可燃			

27 Edogawadai Higashi 2~4 Chome・Nagareyama 1~4 Chome・Heiwadai 1~5 Chome

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 3 Thứ 3tuần 1・3 Thứ 3tuần 2・4 Thứ 5tuần 1・3

5

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2 有危	3	4 可燃
5	6	7 プ×	8 可燃	9	10	11 可燃
12	13	14 プペ	15 可燃	16 有危	17	18 可燃
19	20	21 プ×	22 可燃	23	24	25 可燃
26	27	28 プペ	29 可燃	30		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2 可燃
3	4	5 プ×	6 可燃	7 有危	8	9 可燃
10	11	12 プペ	13 可燃	14	15	16 可燃
17	18	19 プ×	20 可燃	21 有危	22	23 可燃
24	25	26 プペ	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3 有危	4	5 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18 有危	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25	26	27 可燃
28	29	30 プ				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2 有危	3	4 可燃
5	6	7 プ×	8 可燃	9	10	11 可燃
12	13	14 プペ	15 可燃	16 有危	17	18 可燃
19	20	21 プ×	22 可燃	23	24	25 可燃
26	27	28 プペ	29 可燃	30	31	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1 可燃
2	3	4 プ×	5 可燃	6 有危	7	8 可燃
9	10	11 プペ	12 可燃	13	14	15 可燃
16	17	18 プ×	19 可燃	20 有危	21	22 可燃
23	24	25 プペ	26 可燃	27	28	29 可燃
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3 有危	4	5 可燃
6	7	8 プペ	9 可燃	10	11	12 可燃
13	14	15 プ×	16 可燃	17 有危	18	19 可燃
20	21	22 プペ	23 可燃	24	25	26 可燃
27	28	29 プ	30 可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1 有危	2	3 可燃
4	5	6 プ×	7 可燃	8	9	10 可燃
11	12	13 プペ	14 可燃	15 有危	16	17 可燃
18	19	20 プ×	21 可燃	22	23	24 可燃
25	26	27 プペ	28 可燃	29	30	31 可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3 プ×	4 可燃	5 有危	6	7 可燃
8	9	10 プペ	11 可燃	12	13	14 可燃
15	16	17 プ×	18 可燃	19 有危	20	21 可燃
22	23	24 プペ	25 可燃	26	27	28 可燃
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3 有危	4	5 可燃
6	7	8 プペ	9 可燃	10	11	12 可燃
13	14	15 プ×	16 可燃	17 有危	18	19 可燃
20	21	22 プペ	23 可燃	24	25	26 可燃
27	28	29 プ	30 可燃	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4	5 プ×	6 可燃	7 有危	8	9 可燃
10	11	12 プペ	13 可燃	14	15	16 可燃
17	18	19 プ×	20 可燃	21 有危	22	23 可燃
24	25	26 プペ	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2 プ×	3 可燃	4 有危	5	6 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18 有危	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25	26	27 可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3 有危	4	5 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11	12	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18 有危	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25	26	27 可燃
28	29	30 プ	31 可燃			

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 3 Thứ 3tuần 1・3 Thứ 3tuần 2・4 Thứ 5tuần 2・4

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3	4 可燃
5	6	7 プ×	8 可燃	9 有危	10	11 可燃
12	13	14 プペ	15 可燃	16	17	18 可燃
19	20	21 プ×	22 可燃	23 有危	24	25 可燃
26	27	28 プペ	29 可燃	30		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2 可燃
3	4	5 プ×	6 可燃	7	8	9 可燃
10	11	12 プペ	13 可燃	14 有危	15	16 可燃
17	18	19 プ×	20 可燃	21	22	23 可燃
24	25	26 プペ	27 可燃	28 有危	29	30 可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11 有危	12	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25 有危	26	27 可燃
28	29	30 プ				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3	4 可燃
5	6	7 プ×	8 可燃	9 有危	10	11 可燃
12	13	14 プペ	15 可燃	16	17	18 可燃
19	20	21 プ×	22 可燃	23 有危	24	25 可燃
26	27	28 プペ	29 可燃	30	31	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1 可燃
2	3	4 プ×	5 可燃	6	7	8 可燃
9	10	11 プペ	12 可燃	13 有危	14	15 可燃
16	17	18 プ×	19 可燃	20	21	22 可燃
23	24	25 プペ	26 可燃	27 有危	28	29 可燃
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃
6	7	8 プペ	9 可燃	10 有危	11	12 可燃
13	14	15 プ×	16 可燃	17	18	19 可燃
20	21	22 プペ	23 可燃	24 有危	25	26 可燃
27	28	29 プ	30 可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3 可燃
4	5	6 プ×	7 可燃	8 有危	9	10 可燃
11	12	13 プペ	14 可燃	15	16	17 可燃
18	19	20 プ×	21 可燃	22 有危	23	24 可燃
25	26	27 プペ	28 可燃	29	30	31 可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3 プ×	4 可燃	5	6	7 可燃
8	9	10 プペ	11 可燃	12 有危	13	14 可燃
15	16	17 プ×	18 可燃	19	20	21 可燃
22	23	24 プペ	25 可燃	26 有危	27	28 可燃
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃
6	7	8 プペ	9 可燃	10 有危	11	12 可燃
13	14	15 プ×	16 可燃	17	18	19 可燃
20	21	22 プペ	23 可燃	24 有危	25	26 可燃
27	28	29 プ	30 可燃	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4	5 プ×	6 可燃	7	8	9 可燃
10	11	12 プペ	13 可燃	14 有危	15	16 可燃
17	18	19 プ×	20 可燃	21	22	23 可燃
24	25	26 プペ	27 可燃	28 有危	29	30 可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2 プ×	3 可燃	4	5	6 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11 有危	12	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25 有危	26	27 可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11 有危	12	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25 有危	26	27 可燃
28	29	30 プ	31 可燃			

29 Konosudai・Higashi Fukai B (※2)

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được

Rác có dầu プラ
(Pura)

Rác không cháy được

Chai nhựa PET

Rác nguy hiểm

可燃
Thứ 4・7

プ
Thứ 3

×
Thứ 3tuần 1・3

ペ
Thứ 3tuần 2・4

有危
Thứ 6tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3 有危	4 可燃
5	6	7	8 可燃	9	10	11 可燃
12	13	14	15 プ×	16	17	18 可燃
19	20	21	22 プペ	23	24 有危	25 可燃
26	27	28	29 プ×	30		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 有危	2 可燃
3	4	5	6 プ×	7	8	9 可燃
10	11	12	13 プペ	14	15 有危	16 可燃
17	18	19	20 プ×	21	22	23 可燃
24	25	26	27 プペ	28	29	30 可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4 有危	5 可燃
7	8	9	10 プペ	11	12	13 可燃
14	15	16	17 プ×	18	19 有危	20 可燃
21	22	23	24 プペ	25	26	27 可燃
28	29	30				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3 有危	4 可燃
5	6	7	8 プ×	9	10	11 可燃
12	13	14	15 プペ	16	17 有危	18 可燃
19	20	21	22 プ×	23	24	25 可燃
26	27	28	29 プペ	30	31	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1 可燃
2	3	4	5 プ×	6	7 有危	8 可燃
9	10	11	12 プペ	13	14	15 可燃
16	17	18	19 プ×	20	21 有危	22 可燃
23	24	25	26 プペ	27	28	29 可燃
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4 有危	5 可燃
6	7	8	9 プペ	10	11	12 可燃
13	14	15	16 プ×	17	18 有危	19 可燃
20	21	22	23 プペ	24	25	26 可燃
27	28	29	30 プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3 有危
4	5	6	7 プ×	8	9	10 可燃
11	12	13	14 プペ	15	16 有危	17 可燃
18	19	20	21 プ×	22	23	24 可燃
25	26	27	28 プペ	29	30	31 可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	可燃		有危	可燃
8	9	10	11 プペ	12	13	14 可燃
15	16	17	18 プ×	19	20 有危	21 可燃
22	23	24	25 プペ	26	27	28 可燃
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4 有危	5 可燃
6	7	8	9 プペ	10	11	12 可燃
13	14	15	16 プ×	17	18 有危	19 可燃
20	21	22	23 プペ	24	25	26 可燃
27	28	29	30 プ	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4	5	6 プ×	7	8	9 可燃
10	11	12	13 プペ	14	15 有危	16 可燃
17	18	19	20 プ×	21	22	23 可燃
24	25	26	27 プペ	28	29	30 可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3 プ×	4	5 有危	6 可燃
7	8	9	10 プペ	11	12	13 可燃
14	15	16	17 プ×	18	19 有危	20 可燃
21	22	23	24 プペ	25	26	27 可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4 有危	5 可燃
7	8	9	10 プペ	11	12	13 可燃
14	15	16	17 プ×	18	19 有危	20 可燃
21	22	23	24 プペ	25	26	27 可燃
28	29	30	31 プ			

※1 東深井Aは、東深井B以外の地区です。

※1 Quận Higashi Fukai A khác với quận Higashi Fukai B.

※2 東深井Bは、大橋団地、オークタウン江戸川台、小田急江戸川台団地、星和江戸川台、TBSやよい団地、トーマン第3江戸川台、東急団地、中ノ坪、東深井みどり台、東深井こもれび各地区です。

※2 Quận Higashi Fukai B bao gồm khu chung cư Ohashi, Oaktown Edogawadai, khu chung cư Odakyu Edogawadai, Seiwa Edogawadai, khu chung cư TBS Yayoi, Tomen Dai-3 Edogawadai, khu chung cư Tokyu, Nakanotsubo, Higashi Fukai Midoridai, Higashi Fukai Komorebi.

30 Higashi Fukai A (※1)

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được

Rác có dầu プラ
(Pura)

Rác không cháy được

Chai nhựa PET

Rác nguy hiểm



可燃
Thứ 4・7

プ
Thứ 3

×
Thứ 3 tuần 1・3

ペ
Thứ 3 tuần 2・4

有危
Thứ 4 tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3	4 可燃
5	6	7 プ×	8 可燃	9	10 有危	11 可燃
12	13	14 プペ	15 可燃	16	17	18 可燃
19	20	21 プ×	22 可燃	23	24 有危	25 可燃
26	27	28 プペ	29 可燃	30		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2 可燃
3	4	5 プ×	6 可燃	7	8 有危	9 可燃
10	11	12 プペ	13 可燃	14	15	16 可燃
17	18	19 プ×	20 可燃	21	22 有危	23 可燃
24	25	26 プペ	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2 プ×	3 可燃	4	5	6 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11	12 有危	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25	26 有危	27 可燃
28	29	30 プ				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1 可燃	2	3	4 可燃
5	6	7 プ×	8 可燃	9	10 有危	11 可燃
12	13	14 プペ	15 可燃	16	17	18 可燃
19	20	21 プ×	22 可燃	23	24 有危	25 可燃
26	27	28 プペ	29 可燃	30	31	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1 可燃
2	3	4 プ×	5 可燃	6	7	8 可燃
9	10	11 プペ	12 可燃	13	14 有危	15 可燃
16	17	18 プ×	19 可燃	20	21	22 可燃
23	24	25 プペ	26 可燃	27	28 有危	29 可燃
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃
6	7	8 プペ	9 可燃	10	11 有危	12 可燃
13	14	15 プ×	16 可燃	17	18	19 可燃
20	21	22 プペ	23 可燃	24	25 有危	26 可燃
27	28	29 プ	30 可燃			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3 可燃
4	5	6 プ×	7 可燃	8	9 有危	10 可燃
11	12	13 プペ	14 可燃	15	16	17 可燃
18	19	20 プ×	21 可燃	22	23 有危	24 可燃
25	26	27 プペ	28 可燃	29	30	31 可燃

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3 プ×	4 可燃	5	6	7 可燃
8	9	10 プペ	11 可燃	12	13 有危	14 可燃
15	16	17 プ×	18 可燃	19	20	21 可燃
22	23	24 プペ	25 可燃	26	27 有危	28 可燃
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1 プ×	2 可燃	3	4	5 可燃
6	7	8 プペ	9 可燃	10	11 有危	12 可燃
13	14	15 プ×	16 可燃	17	18	19 可燃
20	21	22 プペ	23 可燃	24	25 有危	26 可燃
27	28	29 プ	30 可燃	31 休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1 休	2 休
3	4	5 プ×	6 可燃	7	8 有危	9 可燃
10	11	12 プペ	13 可燃	14	15	16 可燃
17	18	19 プ×	20 可燃	21	22 有危	23 可燃
24	25	26 プペ	27 可燃	28	29	30 可燃
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2 プ×	3 可燃	4	5	6 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11	12 有危	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25	26 有危	27 可燃
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2 プ×	3 可燃	4	5	6 可燃
7	8	9 プペ	10 可燃	11	12 有危	13 可燃
14	15	16 プ×	17 可燃	18	19	20 可燃
21	22	23 プペ	24 可燃	25	26 有危	27 可燃
28	29	30 プ	31 可燃			

※1 東深井Aは、東深井B以外の地区です。

※1 Quận Higashi Fukai A khác với quận Higashi Fukai B.

※2 東深井Bは、大橋団地、オークタウン江戸川台、小田急江戸川台団地、星和江戸川台、TBSやよい団地、トーマン第3江戸川台、東急団地、中ノ坪、東深井みどり台、東深井こもれび各地区です。

※2 Quận Higashi Fukai B bao gồm khu chung cư Ohashi, Oaktown Edogawadai, khu chung cư Odakyu Edogawadai, Seiwa Edogawadai, khu chung cư TBS Yayoi, Tomen Dai-3 Edogawadai, khu chung cư Tokyu, Nakanotsubo, Higashi Fukai Midoridai, Higashi Fukai Komorebi.

31 Otakanomori Kita 1~3 Chome・Otakanomori Higashi 1~4 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	有危	プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30		
		可燃		プ		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
		可燃	有危	プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃	有危	プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃	有危	プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	有危	プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			有危	プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃	有危	プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃		プ	可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃	有危	プ×	可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃		プペ	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃	有危	プ×	可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃		プペ	可燃	
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃	有危	プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	有危	プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30			
		可燃				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				プ×	可燃	
4	5	6	7	8	9	10
		可燃	有危	プペ	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃		プ×	可燃	
18	19	20	21	22	23	24
		可燃	有危	プペ	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃		プ	可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
		可燃	有危	プ×	可燃	
8	9	10	11	12	13	14
		可燃		プペ	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃	有危	プ×	可燃	
22	23	24	25	26	27	28
		可燃		プペ	可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
		可燃	有危	プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃	有危	プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
		可燃	有危	プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃	有危	プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	有危	プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	有危	プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃	有危	プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃	有危	プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30	31			
		可燃				

32 Otakanomori Nishi 1~2 Chome・Otakanomori Minami 2~3 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		有危
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		プ×	可燃		有危
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プペ	可燃		
26	27	28	29	30		
	可燃		プ	可燃		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
						有危
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		プペ	可燃		有危
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プペ	可燃		
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プ×	可燃		有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28	29	30				
	可燃					

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
			プ×	可燃		有危
5	6	7	8	9	10	11
	可燃		プペ	可燃		
12	13	14	15	16	17	18
	可燃		プ×	可燃		有危
19	20	21	22	23	24	25
	可燃		プペ	可燃		
26	27	28	29	30	31	
	可燃		プ	可燃		

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	可燃		プ×	可燃		
9	10	11	12	13	14	15
	可燃		プペ	可燃		有危
16	17	18	19	20	21	22
	可燃		プ×	可燃		
23	24	25	26	27	28	29
	可燃		プペ	可燃		
30	31					
	可燃					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		有危
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		プ×	可燃		有危
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プペ	可燃		
27	28	29	30			
	可燃		プ			

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				可燃		有危
4	5	6	7	8	9	10
	可燃		プ×	可燃		
11	12	13	14	15	16	17
	可燃		プペ	可燃		有危
18	19	20	21	22	23	24
	可燃		プ×	可燃		
25	26	27	28	29	30	31
	可燃		プペ	可燃		

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
	可燃		プ×	可燃		有危
8	9	10	11	12	13	14
	可燃		プペ	可燃		
15	16	17	18	19	20	21
	可燃		プ×	可燃		有危
22	23	24	25	26	27	28
	可燃		プペ	可燃		
29	30					
	可燃					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		1	2	3	4	5
			プ×	可燃		有危
6	7	8	9	10	11	12
	可燃		プペ	可燃		
13	14	15	16	17	18	19
	可燃		プ×	可燃		有危
20	21	22	23	24	25	26
	可燃		プペ	可燃		
27	28	29	30	31		
	可燃		プ	休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
	可燃		プ×	可燃		
10	11	12	13	14	15	16
	可燃		プペ	可燃		有危
17	18	19	20	21	22	23
	可燃		プ×	可燃		
24	25	26	27	28	29	30
	可燃		プペ	可燃		
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
			プ×	可燃		有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
	可燃		プ×	可燃		有危
7	8	9	10	11	12	13
	可燃		プペ	可燃		
14	15	16	17	18	19	20
	可燃		プ×	可燃		有危
21	22	23	24	25	26	27
	可燃		プペ	可燃		
28	29	30	31			
	可燃		プ			

33 Otakanomori Nishi 3~4 Chome

Tiếng Việt
2026

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

可燃 プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 2tuần 2・4

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
	有危	可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30		
	有危	可燃		プ		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	
3	4	5	6	7	8	9
		可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
	有危	可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
	有危	可燃		プペ	可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
	有危	可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
	有危	可燃		プペ	可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				プ×	可燃	
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
	有危	可燃		プ×	可燃	
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30	31	
	有危	可燃		プ	可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
2	3	4	5	6	7	8
		可燃		プ×	可燃	
9	10	11	12	13	14	15
	有危	可燃		プペ	可燃	
16	17	18	19	20	21	22
		可燃		プ×	可燃	
23	24	25	26	27	28	29
	有危	可燃		プペ	可燃	
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
		可燃		プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
	有危	可燃		プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30			
	有危	可燃				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				プ×	可燃	
4	5	6	7	8	9	10
		可燃		プペ	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
	有危	可燃		プ×	可燃	
18	19	20	21	22	23	24
		可燃		プペ	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
	有危	可燃		プ	可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
		可燃		プ×	可燃	
8	9	10	11	12	13	14
	有危	可燃		プペ	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃		プ×	可燃	
22	23	24	25	26	27	28
	有危	可燃		プペ	可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
		可燃		プ×	可燃	
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
	有危	可燃		プ×	可燃	
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30	31		
	有危	可燃		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
		可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
	有危	可燃		プペ	可燃	
17	18	19	20	21	22	23
		可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
	有危	可燃		プペ	可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
	有危	可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
	有危	可燃		プペ	可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃		プ×	可燃	
7	8	9	10	11	12	13
	有危	可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	
21	22	23	24	25	26	27
	有危	可燃		プペ	可燃	
28	29	30	31			
		可燃				

34 Otakanomori Minami 1 Chome

Tiếng Việt

2026

Rác cháy được

Rác có dầu プラ (Pura)

Rác không cháy được

Chai nhựa PET

Rác nguy hiểm

5

可燃
Thứ 3・6

プ
Thứ 5

×
Thứ 5tuần 1・3

ペ
Thứ 5tuần 2・4

有危
Thứ 7tuần 1・3

2027

April

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				プ×	可燃	有危
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃		プ×	可燃	有危
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30		
		可燃		プ		

May

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					可燃	有危
3	4	5	6	7	8	9
		可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	有危
17	18	19	20	21	22	23
		可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

June

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃		プ×	可燃	有危
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	有危
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30				
		可燃				

July

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
			1	2	3	4
				プ×	可燃	有危
5	6	7	8	9	10	11
		可燃		プペ	可燃	
12	13	14	15	16	17	18
		可燃		プ×	可燃	有危
19	20	21	22	23	24	25
		可燃		プペ	可燃	
26	27	28	29	30	31	
		可燃		プ	可燃	

August

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
		可燃		プ×	可燃	
9	10	11	12	13	14	15
		可燃		プペ	可燃	有危
16	17	18	19	20	21	22
		可燃		プ×	可燃	
23	24	25	26	27	28	29
		可燃		プペ	可燃	
30	31					

September

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃		プ×	可燃	有危
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃		プ×	可燃	有危
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30			
		可燃				

October

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
				プ×	可燃	有危
4	5	6	7	8	9	10
		可燃		プペ	可燃	
11	12	13	14	15	16	17
		可燃		プ×	可燃	有危
18	19	20	21	22	23	24
		可燃		プペ	可燃	
25	26	27	28	29	30	31
		可燃		プ	可燃	

November

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
1	2	3	4	5	6	7
		可燃		プ×	可燃	有危
8	9	10	11	12	13	14
		可燃		プペ	可燃	
15	16	17	18	19	20	21
		可燃		プ×	可燃	有危
22	23	24	25	26	27	28
		可燃		プペ	可燃	
29	30					

December

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
		可燃		プ×	可燃	有危
6	7	8	9	10	11	12
		可燃		プペ	可燃	
13	14	15	16	17	18	19
		可燃		プ×	可燃	有危
20	21	22	23	24	25	26
		可燃		プペ	可燃	
27	28	29	30	31		
		可燃		休		

January

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
					1	2
					休	休
3	4	5	6	7	8	9
		可燃		プ×	可燃	
10	11	12	13	14	15	16
		可燃		プペ	可燃	有危
17	18	19	20	21	22	23
		可燃		プ×	可燃	
24	25	26	27	28	29	30
		可燃		プペ	可燃	
31						

February

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃		プ×	可燃	有危
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	有危
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28						

March

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
	1	2	3	4	5	6
		可燃		プ×	可燃	有危
7	8	9	10	11	12	13
		可燃		プペ	可燃	
14	15	16	17	18	19	20
		可燃		プ×	可燃	有危
21	22	23	24	25	26	27
		可燃		プペ	可燃	
28	29	30	31			
		可燃				